

Bản án số: 32/2026/HS-ST
Ngày: 17 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Tại điểm cầu trung tâm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Liêm và bà Nguyễn Thị Thái Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Tường Vi – Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trần Long - Kiểm sát viên.

Tại điểm cầu thành phần: Bà **Nguyễn Thị Diễm T** – Kiểm sát viên và Ông **Huỳnh Trọng K** – Thư ký Tòa án.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2026/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

1. **Bùi Quốc M** (tên gọi khác **H**), sinh ngày 02/3/2005; nơi sinh: **xã L, tỉnh An Giang**; nơi cư trú: **ấp M, xã L, tỉnh An Giang**; nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: không; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Bùi Quốc T1**, sinh năm 1982 và bà **Lê Thị Mỹ H1**, sinh năm 1982; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 03/12/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 22/5/2025, chấp hành xong hình phạt tù, chưa nộp án phí; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/02/2026 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Vũ L**, sinh ngày 17/02/2006; nơi sinh: **xã L, tỉnh An Giang**; nơi cư trú: **ấp T, xã L, tỉnh An Giang**; nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lê Văn V**, sinh năm 1977 và bà **Phạm Thị C**, sinh năm 1971; Bị cáo chưa

có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2025 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Huỳnh Văn Tuấn A, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp M, xã L, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Lương Minh T2, ông Nguyễn Phú V1 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 20/7/2025, Bùi Quốc M chở Lê Vũ L bằng xe đạp đến quán nước “T” ở ấp M, xã L, tỉnh An Giang để uống nước. Tại đây, do không có tiền tiêu xài nên M và L bàn bạc với nhau tìm tài sản của người khác lấy trộm, thống nhất sau khi trộm được tài sản thì chia L 03 phần và Mỹ 07 phần với lý do M biết chỗ bán tài sản. Thời điểm này, L phát hiện xe mô tô biển số 51L6-2227 của Huỳnh Văn Tuấn A dựng cặp bên hông quán, trên xe có gắn chìa khóa, không người trông coi, L và M thống nhất lấy trộm xe mô tô trên, khi bán được sẽ chia tiền như đã thỏa thuận. L lén lút đến lấy trộm xe mô tô biển số 51L6-2227 chạy về khu lồng chợ ấp M, xã L thì Mỹ cũng chạy xe đạp ra khỏi quán. Ngay khi biết xe mô tô bị mất trộm, Tuấn A đến cơ quan Công an trình báo. Cùng ngày, L, M ra đầu thú, giao nộp xe mô tô biển số 51L6-2227.

Quá trình điều tra thu giữ và xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô biển số 51L6-2227, nhãn hiệu Yamaha, loại MIO CLASSICO, đã trả lại cho Tuấn A.

Tại Kết luận định giá tài sản số 906/KL-HĐĐG.TTHS ngày 10/11/2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thường xuyên xã C xác định: 01 xe mô tô biển số 51L6-2227, nhãn hiệu YAMAHA, loại MIO CLASSICO 5WPA, màu sơn: Đen, số khung RLCM5WPA06Y008596, số máy 5WPA008596, đã qua sử dụng, có giá 2.200.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 60/CT-VKSKV11 ngày 20/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Bùi Quốc M, Lê Vũ L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo Bùi Quốc M, Lê Vũ L: Khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai bị hại; người làm chứng; vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo thống nhất với kết luận giám định, kết luận định giá tài sản của Cơ quan chuyên môn, thấy ăn năn, hối hận về hành vi đã gây ra; xin xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, xét hỏi, tranh luận, đánh giá tính chất vụ án, mức

độ, hậu quả của vụ án tác động đến xã hội, phân tích các tình tiết định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu Luận tội vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự;

Áp dụng điểm b khoản 1 điều 173; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T3 V2** từ 01 năm 3 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 điều 173; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Lê Vũ L** từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Cùng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về phần dân sự, phía bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét. Về hình phạt bổ sung: hoàn cảnh bị cáo khó khăn, không nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng. Về hình phạt bổ sung: hoàn cảnh các bị cáo khó khăn, không nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển số 51L6-2227, nhãn hiệu Yamaha, loại MIO CLASSICO, đã trả lại cho **Tuấn A** là phù hợp.

Sau khi nghe quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại **Huỳnh Văn Tuấn A** có đơn xin vắng mặt, những người làm chứng **Lương Minh T2**, **Nguyễn Phú V1** vắng mặt không rõ lý do, những người này đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng theo đúng quy định. Quá trình điều tra đã thu thập lời khai, sự vắng mặt của những nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai bị hại, những người làm chứng chứng kiến về diễn biến, tình tiết của vụ án hoàn toàn phù hợp với Biên bản khám nghiệm, bản ảnh, sơ đồ hiện trường lập ngày; phù hợp kết luận định giá tài sản số 906/KL-HĐĐG.TTHS ngày 10/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thường xuyên xã C. Ngoài ra, còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Có đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ ngày 20/7/2025, bị cáo M và Vũ L chở nhau bằng xe đạp đến quán “Thanh T4” để uống nước, do không có tiền tiêu xài nên cả hai bàn bạc tìm tài sản của người khác lấy trộm, thỏa thuận sau khi trộm được tài sản Mỹ sẽ tìm nơi tiêu thụ và chia L 03 phần và Mỹ 07 phần; lúc này, phát hiện xe mô tô biển số 51L6-2227 của bị hại Tuấn A dựng bên hông quán, chìa khóa gắn trên xe, không người trông coi, L nhanh chóng tiếp cận, lén lút lấy trộm chạy về khu lòng chợ ấp M, xã L cùng thời điểm này thì M cũng chạy xe đạp ra khỏi quán. Khi phát hiện xe mô tô bị mất trộm, Tuấn A đến cơ quan Công an trình báo. Cùng ngày, L, M ra đầu thú, giao nộp xe mô tô biển số 51L6-2227 là tang vật của vụ án. Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 906/KL-HĐĐG.TTHS ngày 10/11/2025 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thường xuyên xã C xác định: 01 xe mô tô biển số 51L6-2227, nhãn hiệu YAMAHA, loại MIO CLASSICO 5WPA, đã qua sử dụng, có giá trị 2.200.000 đồng.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định, hành vi của các bị cáo Bùi Quốc M, Lê Vũ L đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là tội phạm ít nghiêm trọng có mức phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang truy tố các bị cáo Bùi Quốc M, Lê Vũ L về tội danh, điểm, khoản, Điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, có căn cứ.

[3] Các bị cáo là người trưởng thành, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội thì các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, hoàn toàn nhận biết hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật; với bản tính lười lao động, tham lam, đã lợi dụng sự thiếu quản lý tài sản của chủ sở hữu đã thực hiện hành vi lấy trộm, hành vi của các bị cáo ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân nên cần xử phạt mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Đánh giá vụ án có yếu tố đồng phạm nhưng thể hiện tính giản đơn; tuy có sự phân công vai trò nhưng chỉ phát sinh nhất thời, không có sự sắp xếp, cấu kết chặt chẽ; L là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản nhưng theo thỏa thuận thì sẽ chia M, L 3. Bên cạnh đó, bị cáo Bùi Quốc M có nhân thân xấu, ngày 03/12/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới (nay là Tòa án nhân dân

khu vực 11), tỉnh An Giang, xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Vì vậy, lần phạm tội này thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên mức hình phạt cần nghiêm khắc hơn so với **L**.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Bị cáo **Bùi Quốc M** phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện được sự ăn năn hối cải được quy định theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; Bị cáo **L** phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51; sau khi phạm tội các bị cáo đến công an đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: bị hại không yêu cầu bồi thường và không thu giữ vật chứng nên không đặt ra xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: do hoàn cảnh bị cáo khó khăn, không nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Bùi Quốc M**, **Lê Vũ L** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Bùi Quốc M** 01 năm 6 tháng tù (một năm sáu tháng). Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam, ngày 03/02/2026.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Vũ L** 09 tháng tù (chín tháng). Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam, ngày 01/12/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng: không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: *Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;*

Các bị cáo **Bùi Quốc M**, **Lê Vũ L** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*;

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11 - An Giang;
- Phân trại tạm giam khu vực 11 - An Giang;
- CQTHAHS thuộc Công an tỉnh An Giang; CQĐT – Công an tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 11 - An Giang;
- BP Thi hành án - Tòa án;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan; Lưu: HSVA; Văn phòng TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

